

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh
2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Y Lúa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST – DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 03/5/2024 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án dân sự ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị H (Tên gọi khác: Hồng), sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Kỳ Thọ B, xã Đình C, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Tăng Ngọc T, sinh năm: 1982 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Đội 1, thôn Hiệp Phở B, xã H, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Kỳ Thọ B, xã Đình C, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, các bản tự khai nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Giữa bà Hồ Thị H, ông Nguyễn T và vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 15/11/2021 âm lịch vợ chồng ông T và bà P có vay của vợ chồng bà H số tiền là 20.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền và có thỏa thuận trả lãi bằng miệng là 0,2%/ tháng. Ông T và bà P hứa đến ngày 15/02/2022 âm lịch sẽ trả nhưng chưa có tiền trả. Đến ngày 21/02/2022 âm lịch vợ chồng ông T và bà P tiếp Tc vay thêm của vợ chồng bà H số tiền là 20.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền và có ghi thỏa thuận trả lãi là 0,2%/ tháng. Ông T và bà P hứa đến tháng 10 năm 2022 âm lịch sẽ trả nợ nhưng vẫn không trả, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà P, ông T trả nợ nhưng vợ chồng bà P, ông T vẫn không thực hiện việc trả nợ nên bà H đã khởi kiện và lựa chọn hòa giải tại Tòa án. Trong quá trình Hòa giải viên hòa giải, giữa bà H và bà P đã thỏa thuận được việc trả nợ nên bà H đã rút đơn khởi kiện để tự giải quyết. Đến tháng 3/2024, bà P có trả cho vợ chồng bà H là 2.000.000 đồng và sau đó không trả nữa nên bà Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tăng Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T và bà Hồ Thị H số tiền gốc đã mượn là: 38.000.000 (Ba mươi triệu đồng). Không yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Bị đơn ông Tăng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định.

Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố Tng của những người tham gia tố Tng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ các Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 04/2017/NQ-QHĐTP ngày 05/5/2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Tăng Ngọc T phải trả cho bà Hồ Thị H số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng, không tính lãi.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 1.900.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ Tc tố Tụng:

[1.1] Bà Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Tăng Ngọc T phải trả cho bà số tiền đã vay vào ngày 15/11/2021 và ngày 21/02/2022 âm lịch nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Tăng Ngọc T có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo bà Hồ Thị H trình bày thì bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T có vay của bà H, ông T số tiền 40.000.000 đồng vào các ngày 15/11/2021(AL) và ngày 21/02/2022. Trong giấy vay không ghi vay có trả lãi nhưng các bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 0,2%/ tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có tranh chấp nên bà P đã viết giấy chót nợ cam kết trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 22/3/2024 và mới chỉ trả được 01 tháng, sau đó không trả nữa.

Tại Giấy chót nợ đề ngày 22/02/2024 có nội dung: “ Tôi tên, sinh năm 1985, chồng tên Tăng Ngọc T, sinh năm 1982 có mượn của Chị Hồng - anh T số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 15/11/2021 và ngày 21/02/2022 vợ chồng tôi tiếp Tc mượn vợ chồng chị Hồng – anh T số tiền 20.000.000 đồng; tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu) nhưng do kinh tế khó khăn nên chúng tôi chưa trả được cho anh T, chị Hồng. Nay tôi viết giấy chót nợ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu) và xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu thực hiện từ ngày 22/3/2024... Hai bên thống nhất không tính lãi suất....”(Bút lục 24).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố Tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để làm việc và cũng không phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh

theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 15/11/2021 âm lịch và ngày 21/02/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Tăng Ngọc T vay bà Hồ Thị H, ông Nguyễn T số tiền là 40.000.000 đồng; hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P, ông T đã trả nợ số tiền 2.000.000 đồng, còn 38.000.000 đồng nợ gốc chưa trả nên bà Hồ Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Tăng Ngọc T phải trả số tiền gốc còn 38.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ chấp nhận.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T phải chịu 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T phải trả cho vợ chồng bà Hồ Thị H, ông Nguyễn T số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Ngọc T phải chịu 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV5 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam